

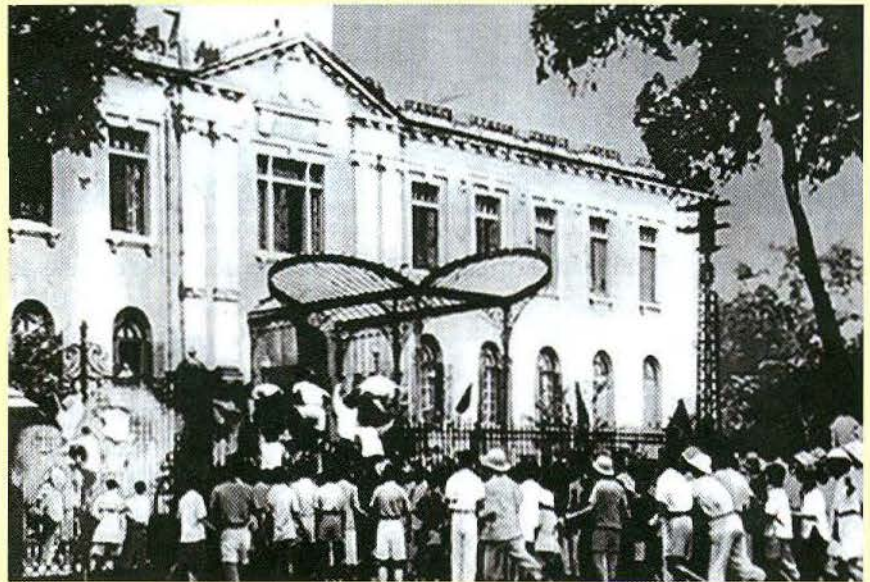
# CÁC BIỂU TRƯNG THIÊN LIÊNG CỦA NƯỚC VIỆT NAM

Minh Hữu

## QUỐC KỶ

Từ đầu những năm 1930, trong các cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam, đã thấy xuất hiện lá cờ đỏ có ngôi sao vàng 5 cánh nhưng được lồng trên hình búa liềm. Cuối năm 1940, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp và phát xít Nhật diễn ra mạnh mẽ tại các tỉnh miền Nam. Từ ngày 21 đến 23/9/1940, Xứ ủy Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nam Kỳ tiến hành họp mở rộng, bàn kế hoạch khởi nghĩa. Trước lúc khởi nghĩa, một vấn đề quan trọng đặt ra là cần có một lá cờ để khẳng định tổ chức, thống nhất hiệu lệnh chỉ huy và động viên quần chúng. Cuộc họp Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động khởi nghĩa vào ngày 23/11/1940 và thực hiện di huấn của Đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng - lấy cờ đỏ sao vàng làm lá cờ khởi nghĩa với ước muốn là sau khi đánh đổ thực dân để quốc sẽ thành lập nước Việt Nam cộng hòa dân chủ và Quốc kỳ Việt Nam sẽ là lá cờ đỏ có ngôi sao vàng 5 cánh ở giữa. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến (sinh ngày 5/3/1901 tại Hà Nam, là một chiến sĩ cách mạng nhiệt tình và tài hoa) được trao nhiệm vụ sáng tác mẫu cờ. Sau nhiều ngày suy nghĩ, miệt mài phác thảo, đồng chí Tiến đã hoàn thành sứ mệnh đặc biệt này: Tạo ra lá cờ hình chữ nhật có ngôi sao vàng năm cánh nằm giữa nền đỏ tươi. Chiều rộng lá cờ bằng 2/3 chiều dài. 5 đỉnh của ngôi sao nằm trên đường tròn có tâm tại chính tâm lá cờ và bán kính bằng 1/5 chiều dài lá cờ (tức bằng 3/10 chiều rộng). 5 đỉnh còn lại của hình thập giác thể hiện ngôi sao đều nằm trên

**Mỗi quốc gia trên thế giới đều có các biểu trưng thể hiện chủ quyền và bản sắc của riêng mình. Quốc kỳ tươi thắm, Quốc huy toàn diện, Quốc ca hùng tráng xứng đáng là biểu trưng thiêng liêng, cao quý, trang trọng và đầy tự hào của nước Việt Nam.**



đường tròn đồng tâm mà bán kính bằng 1/10 chiều dài lá cờ (như vậy, mẫu ngôi sao này hơi khác - đầy đặn hơn - ngôi sao trên Quốc kỳ Việt Nam hiện nay). Nguyễn Hữu Tiến cũng sáng tác một bài thơ đầy tâm huyết về lá cờ:

*Hỡi những ai máu đỏ da vàng  
Hãy chiến đấu dưới cờ thiêng Tổ quốc  
Nền cờ thắm máu đào vì đất nước  
Sao vàng tươi da của giống nòi  
Đứng lên mau hỡi nước gọi ta rồi  
Hỡi sĩ - công - nông - thương - binh  
Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh.*

Ban lãnh đạo khởi nghĩa khi đó là Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... rất tâm đắc và đã chuẩn y mẫu cờ trên. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ diễn ra mạnh mẽ, rộng khắp với biểu tượng cờ đỏ sao vàng, làm lao đao chính quyền đô hộ. Chúng đàn áp khốc liệt. Hàng ngàn người bị bắt, tra tấn và giết hại. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến đã anh dũng hy sinh trước họng súng quân thù ngày 28/8/1941 cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai... Trước lúc ngã xuống, đồng chí đã kịp gửi lại một bài thơ động viên đồng bào, chiến sĩ, với



## 📌 KỶ NIỆM 72 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (19/8/1945 - 19/8/2017) VÀ QUỐC KHÁNH 2/9 (02/9/1945 - 02/9/2017)



quan trọng, trong đó đổi Quốc hiệu là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công nhận Quốc kỳ Việt Nam nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Nền đỏ tượng trưng cho màu nhiệt huyết cách mạng, màu sinh lực và chiến thắng; sắc vàng tươi của ngôi sao tượng trưng cho sự rạng rỡ của linh hồn dân tộc Việt Nam; năm cánh sao là sức mạnh đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp dựng, giữ và phát triển đất nước. Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013 cũng chính thức hóa và cụ thể hóa mô hình Quốc kỳ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### QUỐC HUY

Quốc huy biểu trưng cho quốc gia, cho sự độc lập, chủ quyền của đất nước, cho bản sắc của dân tộc. Bởi mang ý nghĩa đặc biệt và thiêng liêng như vậy, nên tại kỳ họp thứ năm của Quốc hội khóa I (ngày 15-20/9/1955) sau khi xem xét, cân nhắc rất nhiều mẫu, Tiểu ban Nghiên cứu ba vấn đề Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy đã quyết định trình mẫu Quốc huy do Chính phủ đề nghị và đã được đa số đại biểu Quốc hội tán thành. Mẫu Quốc huy này do các danh họa Bùi Trang Chước và Trần Văn Cẩn đồng sáng tác (họa sĩ Bùi Trang Chước vẽ mẫu Quốc huy để làm cơ sở lựa chọn và họa sĩ Trần Văn Cẩn đã chỉnh sửa hoàn thiện mẫu Quốc huy theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo để trình Quốc hội phê duyệt).

Quốc huy Việt Nam hình tròn, nền đỏ tươi, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh tượng trưng cho lịch sử cách mạng, tinh thần đoàn kết cùng tiến đồ rực rỡ của dân tộc ta, đất nước ta; bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho truyền thống nông nghiệp vững chắc; dòng chữ tên quốc gia (quốc hiệu) phía dưới và bánh xe răng cưa (gồm 10 bánh răng) tượng trưng cho liên minh công nhân - nông dân - trí thức là nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc, cho nền nông nghiệp cũng như xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

những câu tràn trề tinh thần lạc quan cách mạng:

*... Anh em đi trọn con đường nhé  
Cờ đỏ sao vàng sáng tương lai...*

Trung tuần tháng 5/1941, tại rừng Khuổi Nậm thuộc Pắc Bó (Hà Quảng - Cao Bằng), Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Tháng 9/1941, văn kiện **Chương trình Việt Minh** được soạn thảo, trong đoạn mở đầu ghi rõ: "Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp, Nhật, sẽ lập nên Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy cờ đỏ sao vàng 5 cánh làm Quốc kỳ". Đây được coi là văn bản đầu tiên chính thức quy định Quốc kỳ của nước Việt Nam là cờ đỏ sao vàng.

Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) đã thống nhất quyết định Quốc kỳ

Việt Nam là nền đỏ, ở giữa có một sao vàng năm cánh.

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc **Tuyên ngôn Độc lập** tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay, đỏ rực cả Quảng trường. Ngày 5/9/1945, Chủ tịch ký Sắc lệnh ấn định Quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I, ngày 2/3/1946, toàn thể đại biểu Quốc hội đã biểu quyết nhất trí cờ đỏ sao vàng là Quốc kỳ nước ta. Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam thông qua cuối năm 1946 cũng quy định rõ: "Quốc kỳ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh".

Sau ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, non sông Việt Nam đã liền một dải. Từ ngày 24/6 đến 3/7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp tại Thủ đô Hà Nội, thông qua nhiều nghị quyết



## QUỐC CA

Nếu quốc kỳ, quốc huy biểu trưng cho quốc gia bằng hình ảnh đặc thù, thì quốc ca lại biểu trưng bằng âm thanh, nhạc và lời. Quốc hội khóa I của nước ta đã quyết định lấy bài **"Tiến quân ca"** do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác làm Quốc ca Việt Nam. Trong Hiến pháp năm 1946 tại Điều 3 cũng ghi rõ: "Quốc ca là bài **Tiến quân ca**". Kỳ họp thứ năm Quốc hội khóa I (1955) đã quyết định giữ nguyên nhạc, chỉ sửa đôi chút về lời của bài Quốc ca và tác giả cùng đóng góp việc sửa lời. Năm 1993, Quốc hội một lần nữa khẳng định vị thế thiêng liêng cao quý bất di bất dịch của Quốc ca Việt Nam.

Bài **"Tiến quân ca"** vốn được nhạc sĩ Văn Cao sáng tác vào cuối năm 1944 tại căn gác nhà số 171 phố Mongrant - Hà Nội (nay là nhà số 45 phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội) và được in lần đầu trên trang văn nghệ của báo *Độc lập* tháng 11/1944. Ngay khi mới ra đời, bài hát đã được đội ngũ chiến sĩ cách mạng nồng nhiệt đón nhận, rồi trở thành bài hát chính thức của Mặt trận Việt Minh, góp phần quan trọng cổ vũ nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. Ngày 14/8/1945, tại Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào, Chính phủ lâm thời đã chọn bài **Tiến quân ca** làm Quốc ca nước Việt Nam. Trong những ngày tổng khởi nghĩa từ 17 đến 19/8/1945, bài hát đã vang lên tại các cuộc tuần hành, biểu tình và mít tinh của quần chúng cách mạng ở Hà Nội. Những chiến sĩ của chiến khu Đông Triều dọc đường hành quân về giải phóng Hải Phòng cũng ca vang bài hát này. Tiếp theo là Sài Gòn và cả nước vang lên **Tiến quân ca**. Ngày tuyên bố độc lập 2/9/1945, **Tiến quân ca** được cử hành, hàng triệu người hát vang lời ca theo tiếng nhạc của hành khúc hùng tráng đó.

Tác giả Văn Cao (1923-1995) là một nghệ sĩ đa tài với các tác phẩm nổi tiếng về nhạc, họa, văn, thơ. Năm 1944, ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng, rồi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản và là một trong những người sáng lập Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là một trong các nhạc sĩ tiên phong của nền tân nhạc nước nhà, là tác giả của nhiều bài hát quen thuộc với người dân Việt Nam như: *Buồn tàn thu, Thiên Thai, Đêm xuân, Gió núi, Đàn chim Việt, Suối mơ, Cung đàn xưa, Bắc Sơn, Tiến về Hà Nội, Trường ca Sông Lô, Ngày mùa, Mùa xuân đầu tiên...* Ông từng được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý và được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996./

Minh Hữu

# QUỐC HIỆU NƯỚC TA TRONG LỊCH SỬ

Huy Hoàng

*Quốc hiệu luôn là một trong những cái tên thiêng liêng nhất đối với mỗi dân tộc, mỗi con người. Nó khẳng định sự tồn tại và chủ quyền của một quốc gia, thể hiện ý thức và niềm tự hào của mỗi dân tộc cũng như sự bình đẳng với các nước khác trên thế giới. Qua mấy ngàn năm lịch sử, để hình thành "Việt Nam" như ngày nay, quốc hiệu nước ta đã phải trải qua không ít thăng trầm...*

Từ đầu thời đại đồng thau, các bộ lạc người Việt đã định cư chắc chắn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Bấy giờ có khoảng 15 bộ lạc người Việt sinh sống chủ yếu ở miền trung du và đồng bằng Bắc Bộ, hàng chục bộ lạc Âu Việt sống chủ yếu ở miền Việt Bắc. Tại nhiều nơi, người Lạc Việt và người Âu Việt sống xen kẽ với nhau, bên cạnh các thành phần dân cư khác.

Do nhu cầu trị thủy, nhu cầu chống ngoại xâm và do việc trao đổi kinh tế, văn hóa ngày càng gia tăng, các bộ lạc sinh sống gần gũi nhau có xu hướng tập hợp và thống nhất lại. Trong số các bộ lạc Lạc Việt, bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả. Thủ lĩnh bộ lạc này là người đứng ra thống nhất tất cả các bộ lạc Lạc Việt, dựng nên nước **Văn Lang**, tự xưng vua - mà sử cũ gọi là Hùng Vương - và con cháu ông nhiều đời về sau vẫn nối truyền danh hiệu đó.

Căn cứ vào các tài liệu sử học, có thể tạm xác định địa bàn nước Văn Lang tương ứng với vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nước ta hiện nay cùng với một phần phía nam Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Thời gian tồn tại của nước **Văn Lang** khoảng từ đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên (TCN) đến thế kỷ 3 TCN.

Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng cho quân xâm lược đất của toàn bộ các nhóm người Việt. Thục Phán - thủ lĩnh liên minh các bộ lạc Âu Việt - được tôn làm người lãnh đạo cuộc chiến chống Tần. Năm 208 TCN, quân Tần phải rút lui. Với uy thế của mình, Thục Phán xưng vương (An Dương Vương), liên kết các bộ lạc Lạc Việt và Âu Việt lại, dựng nên nước **Âu Lạc**.

Năm 179 TCN, Triệu Đà - vua nước Nam Việt - tung quân đánh chiếm Âu Lạc. Cuộc kháng cự của An Dương Vương thất bại. Suốt 7 thế kỷ tiếp đó, mặc dù các thế lực phong kiến phương Bắc thay nhau đô hộ, chia nước ta thành nhiều châu, quận với những tên gọi khác lạ mà chúng đặt ra, nhưng vẫn không xóa nổi cái tên "Âu Lạc" trong ý thức, tình cảm và sinh hoạt thường ngày của nhân dân ta.